

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 397, 212 và Điều 213, 149, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 11/2026/TLST -VHNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” giữa những người yêu cầu:

1. Anh **Bùi Văn Tr**, sinh ngày 26/02/1978;

CCCD số: 00107016xxx cấp ngày 10/07/2021 do Cục trưởng Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp.

2. Chị **Quách Thị S**, sinh ngày 23/10/1986

CCCD số: 0001186045xxx cấp ngày 10/07/2021 do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp.

Cùng có HKTT và nơi ở: Thôn 3 T, xã Y, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn Tr và chị Quách Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là UBND xã Y, thành phố Hà Nội) vào ngày 16/12/2007 (*Giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 16/12/2007*).

Trong quá trình chung sống, vợ chồng ngày càng thiếu sự thấu hiểu, chia sẻ và kết nối trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục chung sống chỉ gây tổn thương cho cả hai và ảnh hưởng xấu đến sự phát triển của các con. Vì vậy anh Tr, chị S thống nhất thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

Về con chung: Anh Tr, chị S có 02 con chung là Bùi Phương Th, sinh ngày 08/06/2009 và Bùi Minh Đ, sinh ngày 02/7/2014. Khi ly hôn anh chị thống nhất giao cả 02 cháu cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con

chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tr không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức và nợ: Các bên đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Anh Tr tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

[2] Xét đơn yêu cầu và các thỏa thuận khác của các đương sự:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Tr, chị S kết hôn hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Anh chị đã thỏa thuận ly hôn. Việc thỏa thuận của anh chị là tự nguyện nên công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Tr và chị S.

+ Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Bùi Phương Th, sinh ngày 08/06/2009 và Bùi Minh Đ, sinh ngày 02/7/2014. Anh chị thống nhất giao cả 02 cháu cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tr không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản, công sức và nợ: Các bên đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về lệ phí giải quyết việc: Anh Tr tự nguyện chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc sơ thẩm.

[3] Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ngày 09/01/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn Tr và chị Quách Thị S.

- Về con chung:

Anh Tr, chị S có 02 con chung là Bùi Phương Th, sinh ngày 08/06/2009 và Bùi Minh Đ, sinh ngày 02/7/2014. Anh chị thống nhất giao cả 02 cháu cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi

có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Tr không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị S đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản, công sức và nợ: Các bên đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Bùi Văn Tr tự nguyện chịu cả 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000628 ngày 09/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND Thành phố Hà Nội
- VKSND khu vực 10 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 10 – Hà Nội.
- UBND xã Yên Xuân (GCNKH số 52 ngày 21/12/2007);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Minh Loan